

Số: 549 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa
cho các chủ tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo
Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ (đợt 4)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi) ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 117/2014/TT-BTC ngày 21/8/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: số 2651/QĐ-UBND ngày 21/7/2015, Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 15/10/2015, Quyết định 1973/QĐ-UBND ngày 09/6/2016; Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 23/8/2016, Quyết định số 3911/QĐ-UBND ngày 10/10/2016, Quyết định 4647/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 và Quyết định số 4890/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 về việc phê duyệt danh sách chủ tàu dịch vụ khai thác hải sản của tỉnh Thanh Hóa đăng ký thường xuyên hoạt động dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 14735/BTC-NSNN ngày 18/10/2016 của Bộ Tài chính về kinh phí thực hiện chính sách phát triển thủy sản năm 2015;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 15/TTr-SNN&PTNT ngày 15/02/2017 về việc hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa cho các chủ tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ (đợt 4),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa cho chủ tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 (đợt 4), với các nội dung như sau:

1. Hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa cho chủ tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ:

- Tổng số chủ tàu được hỗ trợ: 70 chủ tàu, trong đó: Thị xã Sầm Sơn 19 chủ tàu, huyện Tĩnh Gia 50 chủ tàu, huyện Quảng Xương 01 chủ tàu.

- Tổng số chuyến biển được hỗ trợ: 183 chuyến, trong đó: Thị xã Sầm Sơn: 48 chuyến, huyện Tĩnh Gia: 133 chuyến, huyện Quảng Xương 02 chuyến.

- Tổng số kinh phí hỗ trợ: 7.520.000.000 đồng (*Bảy tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng*). Trong đó:

a) Huyện Tĩnh Gia:

- Tổng số chuyến biển đủ điều kiện hỗ trợ: 133 chuyến/50 tàu DVHC.

- Tổng số kinh phí hỗ trợ: 5.380.000.000 đồng.

b) Thị xã Sầm Sơn:

- Tổng số chuyến biển đủ điều kiện hỗ trợ: 48 chuyến/19 tàu DVHC.

- Tổng số kinh phí hỗ trợ: 2060.000.000 đồng.

c) Huyện Quảng Xương:

- Tổng số chuyến biển đủ điều kiện hỗ trợ: 02 chuyến biển/01 tàu DVHC.

- Tổng số kinh phí hỗ trợ: 80.000.000 đồng.

(Có phụ lục kèm theo)

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn Trung ương tạm ứng cho ngân sách tỉnh tại Công văn số 14735/BTC-NSNN ngày 18/10/2016 của Bộ Tài chính về kinh phí thực hiện chính sách phát triển thủy sản.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp bổ sung cho ngân sách thị xã Sầm Sơn, huyện Tĩnh Gia, huyện Quảng Xương để chi hỗ trợ cho các chủ tàu, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3.2. Chủ tịch UBND: thị xã Sầm Sơn, huyện Tĩnh Gia, huyện Quảng Xương chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích và chi trả đúng đối tượng; đồng thời thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình có liên quan.

3.3. Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài Chính kiểm tra việc thực hiện chi trả theo quy định hiện hành, tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, UBND thị xã Sầm Sơn, UBND huyện Tĩnh Gia, UBND huyện Quảng Xương và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định

này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

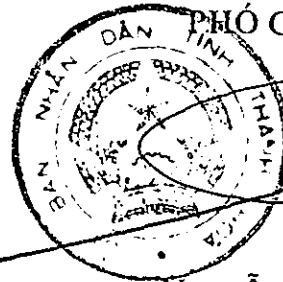
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Chủ tịch UBND: thị xã Sầm Sơn, huyện Tĩnh Gia, huyện Quảng Xương; Thủ trưởng các ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.(A328)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

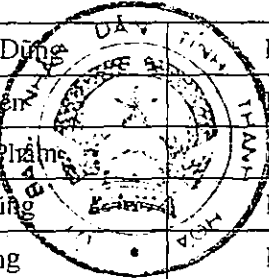


Nguyễn Đức Quyền

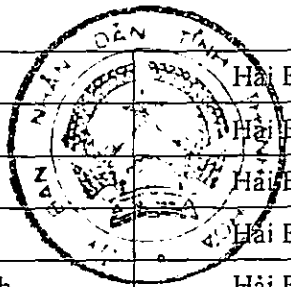
PHỤ LỤC
KINH PHÍ HỖ TRỢ CHỦ TÀU DỊCH VỤ HẢI CÁN KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ
VĂN CHUYỂN HÀNG HÓA THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP (ĐỢT 4)
(Kèm theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

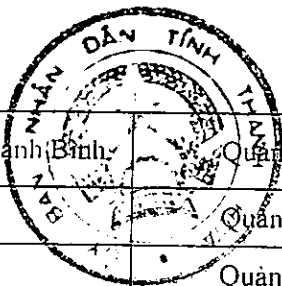
TT	Họ tên chủ tàu	Địa chỉ	Số đăng ký TH...TS	Công suất (CV)	Số chuyến biển	Mức hỗ trợ	Kinh phí được hỗ trợ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)x(7)	(9)
I	Huyện Tĩnh Gia				133		5.380.000	
1	Phạm Văn Bắc	Hải Bình - Tĩnh Gia	91163	420	4	40.000	160.000	
2	Lê Xuân Cương	Hải Bình - Tĩnh Gia	91168	410	4	40.000	160.000	
3	Lê Văn Long	Hải Bình - Tĩnh Gia	90966	420	5	40.000	200.000	
4	Hồ Nguyên Hùng	Hải Bình - Tĩnh Gia	90724	410	3	40.000	120.000	
5	Dương Tấn Trung	Hải Bình - Tĩnh Gia	92668	430	4	40.000	160.000	
6	Cao Văn Ba	Hải Bình - Tĩnh Gia	91166	410	6	40.000	240.000	
7	Nguyễn Văn Long	Hải Bình - Tĩnh Gia	91188	410	4	40.000	160.000	
8	Nguyễn Văn Long	Hải Bình - Tĩnh Gia	92868	520	1	40.000	40.000	
9	Trương Công Kiệm	Hải Bình - Tĩnh Gia	91012	410	3	40.000	120.000	
10	Bùi Văn Hùng	Hải Bình - Tĩnh Gia	91999	612	3	40.000	120.000	
11	Nguyễn Văn Chung	Hải Bình - Tĩnh Gia	92679	685	1	40.000	40.000	
12	Nguyễn Văn Chung	Hải Bình - Tĩnh Gia	91689	685	3	40.000	120.000	
13	Nguyễn Văn Tuấn	Hải Bình - Tĩnh Gia	90990	450	4	40.000	160.000	
14	Nguyễn Văn Tới	Hải Bình - Tĩnh Gia	91768	725	4	40.000	160.000	
15	Hoàng Văn Quốc	Hải Bình - Tĩnh Gia	91116	420	3	40.000	120.000	



16	Nguyễn Hoàng Dũng	Hải Bình - Tỉnh Gia	91919	430	3	40.000	120.000	
17	Nguyễn Văn Hiền	Hải Bình - Tỉnh Gia	90941	420	1	40.000	40.000	
18	Nguyễn Trọng Phấn	Hải Bình - Tỉnh Gia	91226	420	2	40.000	80.000	
19	Nguyễn Văn Dũng	Hải Bình - Tỉnh Gia	92468	420	3	40.000	120.000	
20	Hoàng Văn Dũng	Hải Bình - Tỉnh Gia	91968	725	3	40.000	120.000	
21	Nguyễn Văn Lương	Hải Bình - Tỉnh Gia	91058	420	5	40.000	200.000	
22	Bùi Văn Minh	Hải Bình - Tỉnh Gia	91666	450	2	40.000	80.000	
23	Phạm Văn Huy	Hải Bình - Tỉnh Gia	90307	410	2	40.000	80.000	
24	Nguyễn Văn Lực	Hải Bình - Tỉnh Gia	90697	420	1	40.000	40.000	
25	Trương Công Chính	Hải Bình - Tỉnh Gia	90593	420	1	40.000	40.000	
26	Nguyễn Thị Dung	Hải Bình - Tỉnh Gia	92686	725	3	40.000	120.000	
27	Nguyễn Văn Trường	Hải Bình - Tỉnh Gia	92261	520	2	40.000	80.000	
28	Nguyễn Văn Lệ	Hải Bình - Tỉnh Gia	92286	900	2	60.000	120.000	
29	Hoàng Minh Đông	Hải Bình - Tỉnh Gia	91688	450	1	40.000	40.000	
30	Phạm Văn Trường	Hải Bình - Tỉnh Gia	91186	410	2	40.000	80.000	
31	Trần Văn Hòa	Hải Bình - Tỉnh Gia	92666	480	3	40.000	120.000	
32	Nguyễn Văn Thắng	Hải Bình - Tỉnh Gia	90869	410	3	40.000	120.000	
33	Nguyễn Văn Long	Hải Bình - Tỉnh Gia	91055	400	2	40.000	80.000	
34	Nguyễn Đức Chiến	Hải Bình - Tỉnh Gia	91324	750	2	40.000	80.000	
35	Dương Tấn Thành	Hải Bình - Tỉnh Gia	92789	450	1	40.000	40.000	
36	Nguyễn Văn Nam	Hải Bình - Tỉnh Gia	90968	410	4	40.000	160.000	
37	Phạm Thị Mai	Hải Bình - Tỉnh Gia	91006	410	2	40.000	80.000	
38	Nguyễn Văn Thắng	Hải Bình - Tỉnh Gia	91789	400	2	40.000	80.000	
39	Nguyễn Văn Dũng	Hải Bình - Tỉnh Gia	91053	400	3	40.000	120.000	



40	Nguyễn Văn Long	Hải Bình - Tỉnh Gia	93067	829	1	60.000	60.000	
41	Nguyễn Văn Sáu	Hải Bình - Tỉnh Gia	92588	725	1	40.000	40.000	
42	Hồ Viết Quy	Hải Bình - Tỉnh Gia	90858	410	1	40.000	40.000	
43	Nguyễn Văn Tuấn	Hải Bình - Tỉnh Gia	91293	410	2	40.000	80.000	
44	Nguyễn Văn Thanh	Hải Bình - Tỉnh Gia	92888	650	2	40.000	80.000	
45	Nguyễn Văn Thành	Hải Bình - Tỉnh Gia	91268	410	3	40.000	120.000	
46	Lê Văn Dũng	Hải Thanh-Tỉnh Gia	90950	420	6	40.000	240.000	
47	Nguyễn Văn Quân	Hải Thanh-Tỉnh Gia	90750	420	5	40.000	200.000	
48	Đặng Ngọc Thiết	Hải Thanh-Tỉnh Gia	91028	450	2	40.000	80.000	
49	Lê Văn Duẩn	Hải Thanh-Tỉnh Gia	90692	410	1	40.000	40.000	
50	Lê Thị Hồng	Hải Thanh-Tỉnh Gia	90981	410	2	40.000	80.000	
II	THỊ XÃ SẦM SƠN				48		2.060.000	
1	Lê Quốc Tuấn	Quảng Tiến-Sầm Sơn	91628	420	1	40.000	40.000	
2	Nguyễn Hữu Oanh	Quảng Tiến-Sầm Sơn	90686	425	2	40.000	80.000	
3	Lê Hồng Hậu	Quảng Tiến-Sầm Sơn	90868	444	2	40.000	80.000	
4	Vũ Tiến Dương	Quảng Tiến-Sầm Sơn	91469	535	3	40.000	120.000	
5	Nguyễn Văn Quân	Quảng Tiến-Sầm Sơn	91231	450	1	40.000	40.000	
6	Nguyễn Văn Trường	Quảng Tiến-Sầm Sơn	90928	400	4	40.000	160.000	
7	Trần Thế Hải	Quảng Tiến-Sầm Sơn	90839	400	2	40.000	80.000	
8	Trần Văn Yên	Quảng Tiến-Sầm Sơn	90939	420	5	40.000	200.000	
9	Nguyễn Hữu Năm	Quảng Tiến-Sầm Sơn	91868	400	2	40.000	80.000	
10	Đỗ Văn Lai	Quảng Tiến-Sầm Sơn	92058	920	4	60.000	240.000	



11	Công ty CPTM Thành Bình	Quảng Tiến-Sầm Sơn	91099	525	3	40.000	120.000	
12	Nguyễn Văn Thảo	Quảng Tiến-Sầm Sơn	93456	430	3	40.000	120.000	
13	Nguyễn Văn Thảo	Quảng Tiến-Sầm Sơn	90569	400	2	40.000	80.000	
14	Trần Văn Tuấn	Quảng Tiến-Sầm Sơn	92222	957	2	60.000	120.000	
15	Trịnh Tứ Thuận	Quảng Tiến-Sầm Sơn	90550	410	4	40.000	160.000	
16	Lê Ngọc Khanh	Quảng Cư-Sầm Sơn	90142	400	3	40.000	120.000	
17	Phan Mậu Long	Quảng Cư-Sầm Sơn	90143	445	2	40.000	80.000	
18	Viên Đình Tâm	Quảng Cư-Sầm Sơn	90982	400	2	40.000	80.000	
19	Cty CPCN TS Nam Thanh	Quảng Tiến-Sầm Sơn	92568	1000	1	60.000	60.000	
III	Huyện Quảng Xương				2		80.000	
	Trần Thanh Tuấn	Quảng Nham-Quảng Xương	91448	420	2	40.000	80.000	
	Tổng cộng				183		7.520.000	